

Số: **1395** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **17** tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về giá đất cụ thể tại  
Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng hạng mục Đường vành đai bảo vệ ven hồ từ cầu Đắk Nông đến cầu Bà Thống thuộc tiểu dự án giải phóng mặt bằng khu tái định cư phía Đông hồ Trung tâm và Đường Đ2, dự án đầu tư xây dựng công trình: Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa (nay là thành phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 325/TTr-STNMT ngày 08 tháng 9 năm 2020; ý kiến của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Thông báo số 174/TB-HĐTĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về giá đất cụ thể tại Quyết định



*Handwritten signature or mark.*

số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh

1. Tại Bảng thể hiện thông tin về giá đất cụ thể của dự án thuộc khoản 2 Điều 1 Quyết định số 61/QĐ-UBND

- Điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm “Tiếp giáp đường phía sau nhà công vụ: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ- Ngã 4 tổ 1, Khối 5) đến chân bờ kè hồ, thuộc mục 1, phần III.

- Bổ sung thêm cột giá đất theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

(Lý do điều chỉnh và các nội dung chi tiết được thể hiện tại Phụ lục a đính kèm)

2. Tại Phụ lục giá đất cụ thể ban hành kèm theo Quyết định số 61/QĐ-UBND

- Điều chỉnh giá đất cụ thể đối với đất trồng cây hàng năm của các thửa đất số 05, 06, 07, 08 tại phần III.

- Hủy bỏ mục đích sử dụng đất và giá đất cụ thể đối với đất ở và đất trồng cây lâu năm của các thửa đất số 05, 06, 07, 08 tại phần III.

(Lý do điều chỉnh và các nội dung chi tiết được thể hiện tại Phụ lục b đính kèm)


3. Những nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 và Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh.

## **Điều 2.**

1. Yêu cầu UBND thành phố Gia Nghĩa căn cứ giá đất được quy định tại Quyết định này làm cơ sở để tính tiền bồi thường cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh, UBND thành phố Gia Nghĩa chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về các nội dung được quy định tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ 

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KTTH, KTN(N).

3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**

Phụ lục a:

Điều chỉnh nội dung giá đất cụ thể tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh  
(Kèm theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh)



ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

| Theo Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh |  | Nội dung điều chỉnh                        |                          |                                    | Ghi chú   |          |  |
|---|--|--|--------------------------|------------------------------------|---|----------|--|
| ST T  | Loại đất   | Giá đất theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND | Giá đất cụ thể của dự án | STT                                |   | Loại đất | Giá đất theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND |
| III   | ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (TRONG KHU DÂN CƯ)  |  |                          | III                                | ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRỒNG CÂY HÀNG NĂM (TRONG KHU DÂN CƯ)   |          |  |
| 1   | Tiếp giáp đường phía sau nhà Công vụ: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ- Ngã 4 Ngã 4 Tò 1, Khói 5) đến Chân bờ kè hồ |  |                          | 1                                  | Tiếp giáp đường sau nhà Công vụ: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ- Ngã 4 Tò 1, Khói 5) đến Chân bờ kè hồ (bao gồm các thửa đất số 05, 06, 07, 08- Mảnh trích đo địa chính số 11- |          |  |
| Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm                          |  | 50.000                                     | 429.000                  | Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm |   | 106.000  | 507.000                                    |
|   |  |  |                          |                                    |   |          | Điều chỉnh giá đất cụ thể                  |

*Handwritten signature*

Phụ lục b:

Điều chỉnh phụ lục giá đất cụ thể kèm theo Quyết định 61/QĐ-UBND, ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh  
(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

| Số thứ tự theo Quyết định số 61/QĐ-UBND  | Họ và tên       | Mảnh trích đo địa chính | Số thửa | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Theo Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh |           |                       |                        | Nội dung điều chỉnh  |                        | Ghi chú   |  |
|--|-----------------|-------------------------|---------|-----------------------------|---|-----------|-----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|---|--|
|  |                 |                         |         |                             | Mục đích sử dụng đất  | Đất ở     | Đất trồng cây lâu năm | Đất trồng cây hàng năm | Mục đích sử dụng đất | Đất trồng cây hàng năm |   |  |
| III. Tiếp giáp đường phía sau nhà Công vụ: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Trỗi cũ - Ngã 4 Tổ 1, Khối 5) đến Chân bờ kè hồ (bao gồm cả thửa đất số 1, mảnh TD ĐC số 11-2018) |                 |                         |         |                             |   |           |                       |                        |                      |                        |   |  |
| 2  | Hoàng Văn Dũng  | 11                      | 05      | 177,9                       | ODT+CLN (NHK)   | 1.937.000 | 477.000               | 429.000                | NHK                  | 507.000                | - Hủy bỏ mục đích sử dụng đất và giá đất cụ thể đối với đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm cho đúng với hồ sơ pháp lý; |  |
| 3  | Phạm Thị Hà     | 11                      | 06      | 320,1                       | ODT+CLN (NHK)   | 1.937.000 | 477.000               | 429.000                | NHK                  | 507.000                | - Điều chỉnh giá đất cụ thể đối với đất trồng cây hàng năm.   |  |
| 4  | Nguyễn Thị Hằng | 11                      | 07      | 116,4                       | ODT+CLN (NHK)   | 1.937.000 | 477.000               | 429.000                | NHK                  | 507.000                |   |  |
| 5  | Vũ Trọng Hải    | 11                      | 08      | 213,3                       | ODT+CLN (NHK)   | 1.937.000 | 477.000               | 429.000                | NHK                  | 507.000                |   |  |